Những hiểu lầm về Tulku (bậc đạo sư tái sinh)

ISSN: 2734-9195 16:38 23/06/2026

Dù là một vị Tulku mang dòng máu hoàng gia vĩ đại hay một người phàm phu đang ngụp lặn trong cơm áo gạo tiền, xét về mặt Bản Thể Thanh Tịnh Nguyên Sơ (Rigpa), chúng ta chưa từng có sự khác biệt.

Tác giả: **Mai Thị Như Ý -** Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

1. Dẫn nhập

Kim Cương Thừa vốn nổi tiếng là dòng truyền thừa thần bí, nhưng hệ thống hóa thân chuyển thế lại càng là một ẩn số thách thức mọi tư duy logic. Khi dòng truyền thừa này đến với Việt Nam, chúng ta cũng không tránh khỏi những góc nhìn chưa thực sự trọn vẹn. Việc một đứa trẻ hay ai đó nhớ lại tiền kiếp trở thành chủ đề đàm luận sôi nổi.

Chúng ta nghĩ rằng một bậc chuyển thế vĩ đại thì sinh ra đã phải thông tuệ vạn vật, có thần thông phép màu theo kiểu phim ảnh.

Có người thần thánh hóa họ, có người vì e ngại mà hoài nghi. Những hiểu lầm hay hoài nghi ấy hoàn toàn là những phản ứng rất đỗi con người. Nhưng có bao giờ, ta tự hỏi: “*Thực sự, Tulku là ai?*”

Tác giả thực hiện những nội dung này, không nhằm mục đích ép buộc hay thuyết phục bất kỳ ai phải đặt niềm tin mù quáng vào hệ thống Tulku. Giữa một thời đại mà tâm linh bị thương mại hóa, vàng thau lẫn lộn và thật giả khó phân như hiện nay, sự cẩn trọng của mọi người là rất cần thiết. Nếu có thể, hãy giữ thái độ trung đạo, tôn trọng nhưng không thần thánh hóa và cũng đừng phỉ báng một cách thái quá.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ. Ảnh sưu tầm.

2. Nguồn gốc và học thuyết Tam thân

Đã đến lúc chúng ta nên trả lại định nghĩa chân thực và thuần khiết cho hai chữ "*Tulku*". Để thấu suốt hệ thống Tulku, ta buộc phải tìm về cội nguồn lịch sử của danh xưng ấy. Những gì được gọi là "p*hật sống*" hay "t*hánh sống*" chỉ là danh xưng thế tục được gán lên các Ngài.

Trong ngôn ngữ Tây Tạng, từ **Tulku** (phát âm chính xác là Trul-ku hay viết theo phiên âm chuẩn Wylie là Sprul-sku). Trong đời sống tâm linh hằng ngày, các vị ấy thường được gọi một cách gần gũi và tôn kính là Lạt ma tái sinh hay Rinpoche (bậc Tôn quý). Việc sử dụng các danh xưng này vừa là sự công nhận của giáo hội đối với một dòng năng lượng chứng ngộ, vừa là niềm kính ngưỡng sâu sắc của hàng đệ tử trước một viên ngọc quý của chính pháp. Đây là sự dịch nghĩa trực tiếp từ thuật ngữ Phạn ngữ: Nirmanakaya mang nghĩa Hán-Việt là Hóa Thân hay Ứng Hóa Thân.

Khái niệm Tulku không được chỉ đích danh trong một cuốn kinh cụ thể nào cả. Để hiểu được Tulku, bắt buộc phải hiểu học thuyết Tam Thân (Trikaya) của Phật giáo Đại thừa. Pháp Thân (Dharmakaya) là bản tính Không tuyệt đối, vô tướng, thanh tịnh, bao trùm khắp pháp giới, không đến không đi. Báo Thân (Sambhogakaya) là thân phước đức tinh tế của sự chứng ngộ, hiển thị dưới dạng các bổn tôn trong cõi Tịnh độ. Hóa Thân (Nirmanakaya) vì đại nguyện cứu độ, từ Pháp thân vô tướng, các bậc chứng ngộ phóng chiếu năng lượng, khoác lên mình một lớp áo sinh học bằng xương bằng thịt để đi vào cõi Ta Bà, cùng ăn,

cùng trải qua sinh -lão - bệnh -tử với chúng sinh nhằm thiết lập phương tiện độ hóa.

Ở các kinh điển **Đại thừa** (như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa), cốt tủy của một vị Bồ tát là Đại nguyện cứu độ. Một bậc chứng ngộ không lựa chọn nhập vào Niết-bàn tịch tĩnh để an hưởng sự giải thoát cá nhân. Sự quay lại này không phải do nghiệp lực bất đắc dĩ đẩy đưa như người phàm, mà là chủ động tái sinh bằng nguyện lực. Đây chính là hạt giống gieo mầm tư tưởng của Tulku.

Trong khi người phàm bị cuốn đi một cách vô định trong cõi Bardo bởi nghiệp và nỗi sợ hãi, thì các bậc chứng ngộ vĩ đại lại làm chủ được trạng thái này nhờ vào năng lực thiền định miên mật lúc sinh tiền. Sogyal Rinpoche giải thích rằng, đối với một Tulku, tiến trình đi qua cái chết là một cuộc "*dịch chuyển tâm thức*" có ý thức. Các Ngài nhận diện được Tịnh quang (Ánh sáng nguyên sơ) ngay khoảnh khắc hơi thở dứt, từ đó chủ động định hình một lộ trình tái sinh như lựa chọn cha mẹ, quốc gia và thời điểm xuất hiện để tiếp tục sứ mệnh Bồ tát đạo mà không bị dòng xoáy luân hồi làm lu mờ tính giác.

Có vị thì nhớ rõ tiền kiếp như Hoàng Tôn Vairochana Rinpoche, có vị không nhớ gì cả nhưng được giáo dục ở cấp độ tối cao từ nhỏ, bản ngã cá nhân của đứa trẻ được xóa nhòa để nhường chỗ cho ý thức trách nhiệm khổng lồ. Vì vậy, dù có tin vào luân hồi hay không, khoa học vẫn phải thừa nhận định chế Tulku là một phương thức giáo dục và bảo tồn nguồn mạch dòng truyền thừa xuất sắc. Vì thế tạo ra những nhà lãnh đạo tinh thần kiệt xuất cho nhân loại như đức Đạt-lai Lạt-ma hay đức Gia-vương Karmapa.

Suy cho cùng, việc tin hay không tin vào hiện tượng Tulku không làm giảm đi giá trị hiện hữu của các Ngài. Vàng thật thì không sợ lửa. Và một bậc Hóa thân thực sự sẽ chứng minh tư cách của mình bằng chính dung lượng từ bi và trí tuệ mà họ cống hiến cho cuộc đời trong kiếp sống này.

Không dừng lại ở những lý thuyết kinh điển, định chế Tulku ngày nay còn thách thức và thuyết phục cả nền khoa học thực nghiệm phương Tây. Trong các nghiên cứu sinh học thần kinh được thực hiện tại Đại học Wisconsin-Madison (Mỹ) trên cơ thể của các bậc Đạo sư và Tulku chuyển thế, các nhà khoa học đã chấn động khi phát hiện ra bộ não của các Ngài phóng ra sóng não Gamma (Gamma\waves) với mật độ và biên độ mạnh mẽ chưa từng có trong lịch sử y học.

Sóng Gamma là biểu hiện của trạng thái tỉnh thức tối cao, năng lực tập trung siêu việt và lòng từ bi phổ quát. Năng lực thiền định xuyên kiếp của một Tulku không phải là sản phẩm của trí tưởng tượng tôn giáo, mà nó để lại những dấu

vết vật lý không thể chối cãi trên cấu trúc sinh học hiện tại. Các Ngài có thể mang thân xác phàm, nhưng xung động năng lượng trong bộ não ấy là xung động của một bậc giác ngộ?

3. Lịch sử hình thành và quy trình ấn chứng khắt khe

Hệ thống Tulku bắt nguồn từ thế kỷ thứ XIII tại **Tây Tạng**. Trước thời kỳ này, chính pháp được truyền thừa chủ yếu qua hai con đường: truyền khẩu mật thiết giữa Thầy và trò (như cặp đạo sư Marpa và Milarepa) hoặc theo huyết thống gia tộc (như dòng phái Sakya). Tuy nhiên, những phương thức này luôn đối mặt với nguy cơ bị đứt gãy do biến động thời cuộc hoặc sự suy vi về căn cơ của thế hệ hậu sinh. Chính lúc đó, năng lực của Đại nguyện đã mở ra một lối đi vượt trên quy luật thông thường.

Vị Tulku đầu tiên được ghi nhận chính thức trong lịch sử là Đức Karma Pakshi (1204–1283) của dòng phái Karma Kagyu. Trước khi viên tịch ở kiếp trước dưới danh hiệu Dusum Khyenpa (Karmapa đời thứ nhất), Ngài đã để lại một bức di thư định vị chính xác nơi mình sẽ tái sinh, tên của cha mẹ tương lai và những điềm báo nhận biết. Khi đứa trẻ Karma Pakshi ra đời, cậu bé lập tức bộc lộ tập khí thượng thừa, nhận lại các di vật cũ và tự chứng thực danh hiệu của mình.

Sự kiện chấn động này đã lập nên một kỷ nguyên mới, để rồi từ thế kỷ thứ XIV - XV trở đi, cả bốn dòng phái lớn là Nyingma, Kagyu, Sakya, và Gelug đều áp dụng hệ thống Tulku để lựa chọn các bậc hộ trì dòng phái. Để bảo vệ mạch nguồn chính pháp khỏi những sự mạo nhận, giáo hội Kim Cương Thừa đã thiết lập một quy trình "*sát hạch*" tâm linh vô cùng nghiêm ngặt, được bảo chứng bằng định lực của những bậc đạo sư đại diện.

Vị Thầy trước khi viên tịch thường để lại mật thư, hoặc các vị đại sư hộ trì dòng phái sẽ nhập định để nhìn thấy hướng đi, đặc điểm ngôi nhà, tên cha mẹ tương lai.

Các vị Lạt ma già dặn sẽ cải trang thành người thường để đến ngôi làng nhằm quan sát đứa trẻ một cách tự nhiên nhất, tránh làm xáo trộn tâm lý gia đình. Người ta bày ra trước mặt đứa trẻ hàng loạt vật dụng giống hệt nhau, trong đó chỉ có một món là của vị Thầy kiếp trước. Một đứa trẻ Tulku đích thực sẽ tự động bị thu hút và chọn chính xác món đồ cũ của mình bằng một trực giác kỳ lạ. Cuối cùng, đứa trẻ phải được xác nhận và đóng dấu ấn chứng bởi các bậc lãnh đạo dòng phái và định chế giáo khu tối cao.

4. Về Ngài Vairochana Rinpoche

Tại một thánh địa mà Phật giáo được tôn vinh là quốc giáo như Vương quốc Bhutan, quy trình này là một cuộc sát hạch tâm linh tối cao được bảo chứng bằng định lực, đạo hạnh của cả vương quốc. Chúng ta từng chứng kiến câu chuyện lay động khi Hoàng Tôn Vairochana Rinpoche mới vừa tròn 18 tháng tuổi, lứa tuổi mà một đứa trẻ bình thường còn đang chập chững tập nói đã nhìn thẳng vào đôi mắt uy nghiêm của Đức Vua thứ Tư của Bhutan và khẳng định đanh thép: "*Con chính là Vairochana Rinpoche*". Để rồi sau đó, chính đức Je Khenpo, vị Tăng thống tối cao của Bhutan, đã dùng tuệ nhãn chứng ngộ để chính thức ấn chứng, đón vị Đại Dịch Giả lỗi lạc của thế kỷ thứ VIII trở lại cuộc đời.

Sự trỗi dậy của ký ức tiền kiếp ấy còn hiển lộ rõ nét khi cậu bé 3 tuổi bước đi giữa những tàn tích cháy đen rêu phong của Đại học Phật giáo Nalanda tại Ấn Độ từng bị ngọn lửa tàn khốc vùi lấp từ cuối thế kỷ XII. Đứa trẻ ấy đi qua những viên gạch đổ nát, tìm về đúng căn phòng cũ mình từng tựa cửa suy tư từ mười ba thế kỷ trước dưới thời vua Trisong Detsen, khẽ chỉ tay lên tôn tượng của Ngài Shantarakshita (Tịch Hộ) và đức Liên Hoa Sinh mà nói: "*Đây là thầy của tôi, tôi đã từng ngồi học dưới chân ông ấy, ngay tại sân tu viện này*".



Ngài Vairochana Rinpoche. Ảnh sưu tầm.

Một trong những tà kiến thâm căn cố đế nhất của chúng sinh thời Tượng Pháp là tâm lý phân biệt tông phái, cục bộ bản ngã. Người ta tự dựng lên những bức tường kiên cố giữa Hiển và Mật, giữa Nam truyền và Bắc truyền, giữa đại học phái này với giáo khu khác để rồi dùng cái tâm phán xét lẫn nhau. Giữa bối cảnh phân mảnh ấy, Hoàng Tôn Vairochana Rinpoche xuất hiện như một hiện thân sống động của Phong trào Ri-mé (Bất phân tông phái).

Ri-mé là một cái nhìn tuệ giác tối thượng, công nhận và tôn trọng sự đa dạng của mọi phương tiện thiện xảo mà đức Thế Tôn đã để lại, thấy được tất cả đều cùng chảy về một đại dương giải thoát. Một Tulku chân chính không bị trói buộc bởi tấm áo cà sa của một dòng phái cụ thể vì tâm thức của các Ngài bao dung và vượt trên mọi lằn ranh thế tục.

Để hiểu được lý do tại sao đức Vairochana Rinpoche lại mang một tầm vóc đặc biệt, chúng ta phải lật lại những trang sử tâm linh của thế kỷ thứ VIII. Trong dòng truyền thừa Kim Cương Thừa, cái tên Vairochana là biểu tượng của một trong ba vị Đại sư vĩ đại nhất đã đặt nền móng cho Phật giáo tại Tây Tạng, bên cạnh Tổ sư Liên Hoa Sinh (Padmasambhava) và Đại sư Tịch Hộ (Shantarakshita). Ngài chính là vị Đại dịch giả thiên tài, người đã băng qua trăm ngàn hiểm nguy để mang các mật điển Dzogchen (Đại Viên Mãn) cốt tủy từ Ấn Độ về dịch sang tiếng Tạng, giữ cho mạch nguồn chính pháp không bị đứt đoạn.

Sứ mệnh của Ngài khi trở lại trong kiếp sống này vẫn nhất quán như 13 thế kỷ trước: Dịch thuật và truyền thừa. Ngài dùng tri thức uyên bác của một học giả hiện đại (người đã tốt nghiệp xuất sắc tại các đại học viện Phật giáo danh tiếng nhất) kết hợp với chứng ngộ tâm linh xuyên kiếp để khơi thông dòng chảy Đại Viên Mãn.

5. Sứ mệnh nghiệt ngã và bản chất của sự khổ luyện

Khi nhìn vào các vị Tulku với những chiếc ngai vàng phủ gấm vóc, tiếng kèn Gyaling trầm hùng hay sự kính ngưỡng của hàng vạn tín đồ, người ta dễ lầm tưởng Tulku có một đặc quyền tự nhiên. Nhưng thực tế thì hoàn toàn ngược lại. Một khi đứa trẻ được ấn chứng, cuộc đời ấu thơ bình yên của nó chính thức khép lại, nhường chỗ cho một hành trình mài giũa vô cùng nghiêm khắc.

Dù là ai tái sinh đi nữa, một khi đã mang thân xác vật lý, các Ngài vẫn phải sòng phẳng gánh chịu mọi giới hạn, trở ngại và nỗi đau của một cơ thể sinh học. Các Ngài đi vào lòng mẹ, chấp nhận bị giam hãm chín tháng mười ngày, chịu sự chi phối của quy luật thành-trụ-hoại-không và sinh-lão-bệnh-tử của tứ đại. Một

vị Tulku nhỏ tuổi vẫn phải trải qua những cơn sốt của tuổi lên ba, vẫn phải tập đi những bước đi chập chững, vẫn phải học lại bảng chữ cái.

Để khơi lại dòng chảy tâm thức (Citta-santana) thanh tịnh ấy, các tu viện áp dụng một hệ thống giáo dục sắt đá từ thời thơ ấu. Các Ngài phải học thuộc lòng hàng ngàn trang kinh điển, trải qua những cuộc tranh biện triết học nghẹt thở. Nếu một Tulku không thể vượt qua các kỳ sát hạch nghiêm ngặt trước hội đồng các đại học giả, danh hiệu của họ sẽ không bao giờ được chấp nhận để đăng tòa thuyết pháp.

Bản chất của Tulku, vì vậy, là một Hành giả Thượng thừa chấp nhận lập lại quy trình khổ luyện trong mỗi kiếp sống để làm gương cho chúng sinh. Các Ngài dùng chính thân xác máu thịt để chứng minh giáo pháp không phải là lý thuyết suông, luân hồi là có thật và giác ngộ phải được đánh đổi bằng kỷ luật và sự khuất phục hoàn toàn của bản ngã.

6. Tiếng chuông cảnh tỉnh giữa thời kỳ Tượng Pháp

Vì sao giữa một thời đại hỗn loạn và nhiều biến động như thế này, các Ngài lại chọn trở lại?

Các bạn có để ý không, thời đại này chúng sinh đang phải đối diện với quá nhiều áp lực và nỗi đau thức tỉnh. Chưa bao giờ các giá trị phật pháp lại dễ bị tiếp cận một cách vội vã và thiếu chiều sâu như hiện nay. Người ta tu tập nhưng đôi khi tâm trí còn nặng lòng vị kỷ, đầy chấp ngã. Chúng ta xếp hàng dài nhận quán đảnh (Abhisheka) đôi khi chỉ vì muốn gom góp thật nhiều pháp danh, nhiều tấm ảnh chụp chung với các vị Thầy như thể đó là những chiếc huy chương để trang trí cho "*bản ngã tâm linh*" của mình.

Đó chính là chỉ dấu rõ ràng nhất của Thời Tượng Pháp, giai đoạn mà vẻ bề ngoài của đạo pháp thì rực rỡ, nhưng cái cốt tủy bên trong đã bắt đầu biến hoại. Nơi nào bùn lầy hôi tanh nhất, hoa sen càng cần phải nở; nơi nào bóng tối bủa vây dày đặc nhất, ánh sáng của các Ngài càng cần phải chiếu rọi.

Khi đức Vairochana Rinpoche hay bất kỳ vị Tulku chân chính nào bước ra thế giới, các Ngài phải đối diện với những làn sóng năng lượng tiêu cực, tham lam, đố kỵ và bạo lực của thời đại. Nỗi đau lớn nhất của một Tulku là sự cô độc giữa lòng người mạt pháp. Các Ngài dù mang dòng máu hoàng gia, mang tri thức học giả, hay là người nghèo khó mang định lực Dzogchen nghìn năm đến đây, nhưng thứ mà đám đông ném vào các Ngài lại là sự đòi hỏi ích kỷ. Có người sẽ xin bùa cầu tài lộc, kẻ thì dùng nhãn quan duy vật để phán xét thật giả, người lại đem lòng đố kỵ bè phái ra để so sánh, bài xích. Vị thầy bên ngoài, suy cho

cùng, chỉ là một tấm gương phản chiếu vị Đạo sư bên trong (căn tính) của chính bạn.

7. Về trường hợp giả danh Tulku

Mình biết định chế Tulku đôi khi bị lợi dụng bởi những tham vọng thế tục. Có những gia tộc tìm cách thao túng việc tìm kiếm Tulku để giữ quyền lực, tài sản tu viện. Đặc biệt trong thời đại internet, hiện tượng "*Lạt-ma giả*", "*Tulku tự phong*" xuất hiện tràn lan để trục lợi tài chính và danh tiếng từ lòng tin của đệ tử. Khi đám đông nhìn vào những vết đen tha hóa đó, họ dễ dàng đánh đồng và kết luận toàn bộ hệ thống này là tà đạo. Nếu đệ tử đến với một vị Rinpoche chỉ để cầu xin thần thông, ban phước, hay bám chấp vào danh tiếng kiếp trước của Ngài, thì chính người đệ tử đó đang biến một chính pháp thành tà pháp trong tâm họ.

Sự hỗn loạn và những cái nhìn lệch lạc về hệ thống Hóa thân chuyển thế (Tulku) thực chất không nằm ngoài dự ngôn của **đức Thế Tôn**. Trong Kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã từ bi để lại lời cảnh báo đanh thép về thời Mạt Pháp, thời kỳ mà tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng. Ma vương và quyến thuộc của chúng sẽ mặc áo cà sa, trà trộn vào giáo đoàn, tự xưng là thiện tri thức, là Phật, là Bồ Tát tái sinh để lừa dối chúng sinh, phá hoại Chính Pháp từ bên trong.

Tuy nhiên, Kinh Lăng Nghiêm là tấm kính chiếu yêu để hành giả nhận diện bậc chân tu đích thực. Dù theo tông nào, các Ngài luôn lấy Giới luật làm thầy, lấy Bồ Đề Tâm làm gốc. Sự tồn tại của tà sư không làm hạ thấp giá trị của các bậc Tulku chân chính, mà ngược lại, nó càng chứng minh sự cần thiết bảo hộ Chính Pháp giữa lòng thời đại nhiễu nhương.

Chính vì thực tại "*vàng thau lẫn lộn*" kinh hoàng này, chúng ta mới hiểu vì sao Tổ sư Liên Hoa Sinh lại để lại lời răn đe nghiêm khắc: "*Đừng vội vàng quy y khi chưa quan sát vị Thầy trong mười hai năm*". Một vị Tulku chân chính không bao giờ sợ sự quan sát hay thử thách của thời gian.

Kẻ giả mạo Tulku có thể đánh lừa được mắt phàm, có thể ngồi trên chiếc ngai cao phủ gấm và đếm những đồng tiền cúng dường, nhưng họ không thể đánh lừa được mạn-đà-la của pháp giới. Từng lạy đảnh lễ của chúng sinh, từng đồng tiền mồ hôi nước mắt của đàn na tín thí mà họ nhận bằng cái tâm lừa đảo sẽ biến thành những viên sắt nung đỏ thiêu rụi dòng tâm thức của họ trong vô lượng kiếp.

Còn nữa, khi thấy một Tulku nhỏ tuổi nhận được sự sùng bái lớn hơn, cái tôi của người đệ tử bị tổn thương. Người ta đem tư duy cạnh tranh bè phái, tư duy "

thâm niên công tác" của xã hội phàm phu để áp đặt vào thế giới của những bậc giải thoát. Cái cảm giác bất công cho Thầy mình xuất phát từ chính bản ngã của người đệ tử. Đệ tử ấy sùng mộ Thầy, nhưng lại muốn Thầy mình phải được thế gian vinh danh, muốn Thầy phải ngồi trên chiếc ngai cao nhất để thỏa mãn lòng tự hào cá nhân của chúng ta: "*Thầy của tôi là vĩ đại nhất*". Để rồi quay sang phỉ báng người khác.

Kinh Kim Cang đã phá tan ảo tưởng về hình tướng này bằng lời dạy đanh thép: "*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*" (Đến cả chính pháp còn phải buông bỏ, huống là những thứ phi pháp như danh vọng, hình tướng). Một bậc Thầy thực chứng chân chính, các Ngài có cần một chiếc ngai vàng thế tục để chứng minh quả vị của mình không?

Câu trả lời là Tuyệt đối không. Đối với các Ngài, chiếc ngai vàng phủ gấm hay một hòn đá lạnh trong hang sâu thực chất chẳng có gì khác biệt; tất cả đều là huyễn ảnh trong cõi Không (Sunyata).

Cho nên, một hành giả có chính kiến sẽ cúi đầu đảnh lễ vị Thầy già vô danh vì ngài là biểu tượng của sự kiên trì, mật hạnh; và đảnh lễ vị Tulku trẻ tuổi vì Ngài là hiện thân của đại nguyện dấn thân khốc liệt. Cả hai Ngài là hai mặt của một đồng xu chính pháp, cùng vận hành để cứu độ chúng sinh thời Mạt pháp, không hề có sự tách biệt hay hơn thua.

8. Kết luận

Dù là một vị Tulku mang dòng máu hoàng gia vĩ đại hay một người phàm phu đang ngụp lặn trong cơm áo gạo tiền, xét về mặt Bản Thể Thanh Tịnh Nguyên Sơ (Rigpa), chúng ta chưa từng có sự khác biệt.

Tulku có thể có ký ức vẹn nguyên về tiền kiếp, hoặc ký ức ấy đang ẩn hiện dưới dạng một tình yêu thương vô điều kiện, điều đó không còn quan trọng nữa. Điều quan trọng là, giữa một thời đại đầy rẫy những hoài nghi và khoảng cách, vẫn có một trái tim vĩ đại lựa chọn ở đây, chấp nhận gánh vác những chướng ngại của kiếp sống này để làm điểm tựa cho huệ mạng của chúng ta. Đó mới chính là phép mầu đích thực, phép mầu của một lời nguyện xuyên qua ngàn năm.

Tài liệu tham khảo

1. Center for Healthy Minds. (2021). The Tukdam Project: Investigating the minds of Tibetan Buddhist monks during the death process. University of Wisconsin-Madison.

2. Foundation for the Preservation of the Mahayana Tradition. (n.d.). The Tulku system in Tibetan Buddhism. https://fpmt.org/teachers/the-tulku-system-in-tibetan-buddhism.

3. Lutz, A., Greischar, L. L., Rawlings, N. B., Ricard, M., & Davidson, R. J. (2004). Long-term meditators self-induce high-amplitude gamma synchrony during mental practice. Proceedings of the National Academy of Sciences, 101(46), 16369-16373. https://doi.org/10.1073/pnas.0407401101

4. McLeod, K. (2017). How the Tibetan Tulku system of reincarnation works. Lion's Roar. https://www.lionsroar.com/how-the-tibetan-tulku-system-of-reincarnation-works/

5. The Pluralism Project. (n.d.). The Tulku. Harvard University. https://pluralism.org/tulku

6. Study Buddhism. (n.d.). Directing rebirth: The Tibetan Tulku system. https://studybuddhism.com/en/advanced-studies/vajrayana/tantra-theory/directing-rebirth-the-tibetan-tulku-system

7. Tibetan Buddhist Society. (n.d.). The Tulku and Rinpoche system in Tibetan Buddhism. https://www.tibetanbuddhistsociety.org/the-tulku-and-rinpoche-system-in-tibetan-buddhism/

8. Thích Duy Lực (Dịch). (2002). Kinh Lăng Nghiêm. NXB Tôn giáo.

Tác giả: **Mai Thị Như Ý -** Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

Ghi chú: *Các nhận định và luận điểm trong bài viết là quan điểm riêng của tác giả. Tạp chí Nghiên cứu Phật học công bố bài viết trên tinh thần tôn trọng tự do học thuật và khuyến khích đối thoại, trao đổi về các vấn đề liên quan đến Phật học và văn hóa Phật giáo.*